TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU TỈNH SÓC TRĂNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2017
"V/v xin ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Minh Phụng

2. Ông Triệu Khánh Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2017. Về tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh L.C.R.S.M, sinh năm 1981;

Địa chỉ: khóm V T, phường V P, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: chị S.T.S.P, sinh năm 1981;

Địa chỉ: khóm V.T, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/9/2017 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn L.C.R.S.M trình bày: Năm 2006, anh kết hôn với chị S.T.S.P có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã V B huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 13/12/2006.

- Sau khi kết hôn, hai người sống chung với gia đình của anh S.M tại khóm Vĩnh Thành, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống anh S.Mvà chị S.T.S.P có hai người con chung là cháu L.T.M , (nữ) sinh ngày 27/6/2007, cháu L. H.N (nam) sinh ngày 06/9/2016. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, không đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải, làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dẫn đến mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau, anh L.C.R.S.M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị S.T.S.P.

- Về con chung: cháu L.T.M, (nữ) sinh ngày 27/6/2007, đã lớn khôn, tùy theo nguyên vọng của cháu, nếu cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với chị S.P thì anh S.Mcũng thống nhất và sẽ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Như theo quy định của pháp luật. Nếu cháu L.T.M có nguyện vọng được sống với anh S.Mthì anh S.Msẽ nuôi dưỡng, không yêu cầu chị S.P phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L. H.N(nam) sinh ngày 06/9/2016 còn nhỏ đang sinh sống với chị S.P, anh S.Mđồng ý để chị S.P tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhơn và sẽ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Nhơn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn yêu cầu khởi kiện anh L.C.R.S.M trình bày các bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 16/10/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn S.T.S.P trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn L.C.R.S.M về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống với nhau cũng như tình trạng cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Trong quá trình chung sống đã có hai người con chung là cháu L.T.M, (nữ) sinh ngày 27/6/2007, cháu L. H.N(nam) sinh ngày 06/9/2016. Không thống nhất với lời trình bày của anh S.Mvề mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống vợ chồng. Chị S.P khẳng định trong cuộc sống vợ chồng chị không có lỗi lầm gì với chồng, luôn làm tròn bổn phận người vợ, chị vẫn còn thương chồng và thương con. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ năm 2014, anh S.Mchuyển về xã Vĩnh Hải công tác thì thay đổi tính tình, không thường xuyên về nhà, không quan tâm chăm sóc vợ con và gia đình, bỏ mặc vợ con, có quan hệ bất chính với người đàn bà khác nên chị S.T.S.P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn L.C.R.S.M. Đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh Sa Mây, để cho vợ chồng được hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau chăm lo cho các con vì vẫn còn thương yêu anh S M.

- Về con chung: Nếu anh S.M thật sự cương quyết ly hôn, chị S.P yêu cầu được trực tiếp nuôi hai đứa con, không yêu cầu anh S.M phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu L.T.M, (nữ) sinh ngày 27/6/2007, cháu L. H.N (nam) sinh ngày 06/9/2016.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị S.T.S.P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh L.C.R.S.M được ly hôn với chị S.T.S.P; Giao cho chị S.T.S.P được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên L.T.M, (nữ) sinh ngày 27/6/2007, L. H.N(nam) sinh ngày 06/9/2016 ghi nhận ý chí tự nguyện của anh L.C.R.S.M về việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho các cháu L.T.M và cháu L H Nh, mỗi cháu là 650.000đồng/tháng đến khi các cháu trưởng thành lao động được; Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, anh S.Myêu cầu ly hôn với chị S.P và giải quyết quyền trực tiếp nuôi con chung. Quan hệ pháp luật nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Viên Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/12/2006 theo đúng quy định. Căn cứ vào Trích lục kết hôn số: 34/TLKH-BS ngày 22/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã Viên Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh các con mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn L.C.R.S.M có kết hôn với bị đơn S.T.S.P là sự thật, được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa

anh L.C.R.S.M và chị S.T.S.P đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó thì bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến anh S.Mvà chị S.P không còn tiếp tục sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, trong cuộc sống chung vợ chồng đã không tôn trọng, giữ gìn bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau, cuộc sống vợ chồng mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa anh S.M và chị S.P không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn L.C.R.S.M và bị đơn S.T.S.P thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn L.C.R.S.M đối với bị đơn S.T.S.P là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho anh L.C.R.S.M được ly hôn với chị S.T.S.P.

[3] Về con chung: anh L.C.R.S.M và chị S.T.S.P có với nhau hai người con chung là cháu L.T.N, (nữ) sinh ngày 27/6/2007, cháu L. H.N (nam) sinh ngày 06/9/2016 hiện đang sinh sống với chị S.T.S.P, tại khóm Vĩnh Thành, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị S.T.S.P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, Tuy nhiên chị S.P vẫn tôn trọng nguyện vọng của cháu N muốn sống chung với cha hoặc mẹ thì tùy con quyết định.

Xét tại thời điểm xét xử cháu Như đã trên 7 tuổi, Tòa án có tiến hành ghi lời khai để xem xét nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ hay với

cha sau khi cha mẹ ly hôn nhưng cháu không thể hiện được nguyện vọng của mình vì mong muốn cha mẹ không phải ly hôn. Tuy nhiên hiện tại cháu đang sinh sống ổn định với mẹ là chị S.P, cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của cháu được chị S.P trực tiếp lo lắng chăm sóc, đảm bảo phát triển tốt về thể chất và tinh thần, đảm bảo được cuộc sống hằng ngày của cháu N. Bên cạnh đó chị S.P cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để giao cháu L.T.N cho chị S.T.S.P được tiếp tục nuôi dưỡng.

Đối với cháu L. H.N hiện còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ so với người cha. Xét cuộc sống của cháu Nh tại thời điểm hiện tại, cháu Nh đang sống với chị S.T.S.P được chị S.P nuôi dưỡng trong một thời gian dài vẫn đảm bảo phát triển tốt về thể chất và tinh thần, đảm bảo được cuộc sống hằng ngày của cháu Nh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để giao cháu L. H.N cho chị S.T.S.P tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn S.T.S.P không yêu cầu anh L.C.R.S.M phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng nguyên đơn L.C.R.S.M có ý kiến tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho các cháu L.T.Mvà cháu L H N, theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của anh L.C.R.S.M về việc cấp dưỡng để chị S.T.S.P nuôi các con chung mỗi cháu là 650.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho đến khi các cháu L.T.N, L. H.N đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn L.C.R.S.M và bị đơn S.T.S.P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn L.C.R.S.M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[7] Án phí cấp dưỡng: Nguyên đơn L.C.R.S.M phải phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điều 273, và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2, Khoản 3 Điều 81, Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 82, Điều 83 điều 107, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh L.C.R.S.M được ly hôn với chị S.T.S.P.

2. Về con chung: Giao cho chị S.T.S.P được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên L.T.M, (nữ) sinh ngày 27/6/2007, L. H.N(nam) sinh ngày 06/9/2016. Trong thời gian chị S.T.S.P nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của ông L.C.R.S.M cấp dưỡng cho cháu L.T.N, và cháu L H Nh, mỗi cháu một tháng là 650.000 đồng/cháu, cấp dưỡng đến khi cháu N, cháu Nh đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Việc cấp dưỡng nêu trên được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

3. Về tài sản chung, nợ chung: anh L.C.R.S.M và chị S.T.S.P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn L.C.R.S.M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng); nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009657, ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh L.C.R.S.M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Án phí cấp dưỡng: anh L.C.R.S.M phải chịu là 300.000 đồng.

Các khoản tiền trên, các đương sự nộp và nhận tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, để yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn

Nơi nhận
-VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án
- UBND xã Viên Bình.